TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà DƯƠNG THỊ TƯ

2/ Bà ĐỖ THỊ MỸ HẠNH

- Thư ký phiên tòa: Bà PHẠM THỊ HỒNG NHUNG - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 751/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **LÊ THỊ L**, sinh năm 1976 - (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà N, Tổ L, Hẻm O, Đường số F, ấp L, xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh **BÙI VĂN N (Bùi Văn N)**, sinh năm 1976 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà N, Tổ L, Hẻm O, Đường số F, ấp L, xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2017 và lời khai của chị Lê Thị L trình bày như sau:

Chị Lê Thị L và anh Bùi Văn N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh ngày 16/02/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà của cha mẹ anh N khoảng 06 năm thì mua nhà đất ra ở riêng. Trong thời gian chung sống do anh N không lo làm ăn mà thường xuyên uống

rượu về nhà chửi mắng xúc phạm chị, không quan tâm đến gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tháng 7/2015 anh N đánh chị nên chị đã thuê nhà trọ ở, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh N.

Anh chị có 02 con chung: Bùi Văn N, sinh ngày 25/10/1995 và Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 20/10/2000. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu N đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 phần đất diện tích ngang 04m, dài 18m tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh và căn nhà xây tường trên diện tích đất này, nguồn gốc do vợ chồng tự tạo, anh N đang quản lý sử dụng. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 16/11/2017 Trưởng Ban quản lý ấp L xác nhận hiện nay anh Bùi Văn N vẫn đang cư trú và sinh sống tại số nhà O, Tổ N, Hẻm L, ấp L, xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, làm nghề cho thuê dàn karaoke dạo nên ít có ở nhà. Tòa án tiến hành triệu tập anh N theo thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vụ án nhưng anh N không lần nào có mặt nên không thu thập được lời khai của anh N.

Tại phiên tòa, chị L và anh N đều vắng mặt.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh N, giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung chị L không tranh chấp, về nợ chung chị L trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn N hiện sinh sống và cư trú tại số nhà O, Tổ P, ấp L, xã Đ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, nhưng do anh N thường xuyên vắng nhà nên Tòa án đã tiến hành triệu tập anh N theo thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vụ án. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh N là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Lê Thị L và anh Bùi Văn N tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do anh N không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con mà thường xuyên uống rượu về đánh và chửi mắng xúc phạm chị L nên vợ chồng không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly

thân thời gian dài từ tháng 7 năm 2015 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh N là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy từ khi chị L và anh N sống ly thân đến nay, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, cháu N cũng có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ, nên cần giao cháu N cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N. Riêng cháu Bùi Minh N đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác khi có đơn khởi kiện và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị L đối với anh Bùi Văn N. Chị L và anh N không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

- Về con chung: Giao chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Bùi Thị Mỹ N, sinh ngày 20/10/2000, ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N. Riêng cháu Bùi Văn N đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

Anh N có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác khi có đơn khởi kiện và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004760 ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, chị L đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

LÊ THỊ DUYÊN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).